

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 11 - 2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bố Trạch.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch,
tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2019/TLST
- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX - ST ngày 23 tháng 10
năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Ông Hồ C, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng
mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn
bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và ông Hồ C kết hôn vào ngày 24/11/1995 tại Ủy ban nhân dân (UBND)
xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn
ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên
nhân do ông Hồ C thường xuyên say xỉn đánh đập bà và các con một cách tàn bạo
và phá tán tài sản trong nhà. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ ông Cây nhưng vẫn
không có kết quả. Do đó, năm 2005 bà phải đi làm ăn xa, kể từ đó cho đến nay ông
bà sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy cuộc sống chung
vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà làm đơn xin ly hôn ông Hồ
C.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 03 con chung tên là Hồ Thị H, sinh ngày 09/12/1996, Hồ Thị L, sinh ngày 11/02/2002 và Hồ Văn Q, sinh ngày 10/8/2003. Con Hồ Thị H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các con Hồ Thị L và Hồ Văn Q, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu ông Cây đóng góp tiền nuôi con vì bà làm ăn có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi các con cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung của vợ chồng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo trình bày của bị đơn ông Hồ C tại Biên bản hòa giải ngày 01/8/2019: Ông thừa nhận ông và bà B kết hôn với nhau vào ngày 24/11/1995 tại UBND xã N trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn ông và bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà B đi làm ăn để cải thiện kinh tế gia đình, trong thời gian 03 năm đầu tình cảm vợ chồng vẫn bình thường sau đó thì phai nhạt dần. Kể từ khi bà B đi làm ăn cho đến nay bà B đã trở về quê nhưng vợ chồng không gặp gỡ và không chung sống cùng nhau một ngày nào. Nay bà B làm đơn ly hôn ông, ông không nhất trí vì ông cho rằng bà B tự làm đơn ly hôn ông, ông yêu cầu bà B phải trực tiếp gặp ông để nói chuyện rõ ràng sau đó ông mới đồng ý ly hôn.

Ông cũng nhất trí quá trình chung sống ông và bà B có 03 con chung như bà B trình bày. Nếu như phải ly hôn thì con Hồ Thị H đã hơn 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; các con Hồ Thị L và Hồ Văn Q ông cũng thống nhất giao bà B nuôi dưỡng. Ông không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng bà B vì bà B có đủ khả năng nuôi các con cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung vợ chồng ông cũng nhất trí với ý kiến của bà B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp và phiên hòa giải vào ngày 01/8/2019. Sau khi hòa giải, bà B và ông Cây vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như trên. Sau đó, Tòa án triệu tập ông Hồ C đến làm việc vào các ngày 11/10/2019 và 21/10/2019, nhưng ông Cây đều vắng mặt không có lý do. Tại Biên bản xác minh ngày 22/10/2019, UBND xã N cho biết UBND xã đã tiến hành giao các Giấy triệu tập vào các ngày trên cho ông Hồ C nhưng ông Hồ C từ chối không nhận.

Tòa án mở phiên tòa vào ngày 08/11/2019, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, còn ông Hồ C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, ông Cây tiếp tục vắng mặt không có lý do. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị B đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách giải quyết ly hôn đối với ông Hồ C, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”; ông Hồ C có nơi cư trú là thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 08/11/2019, tuy nhiên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa vì ông Cây vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay ông Hồ C tiếp tục vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn của bà B hợp lệ, đúng quy định của pháp luật. Đối với ông Hồ C, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai (25/11/2019) đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án còn gửi trực tiếp và ông Cây đã ký nhận các văn bản trên. Như vậy, việc ông Hồ C vắng mặt tại các phiên tòa là cố ý không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị B và ông Hồ C.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị B và ông Hồ C có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Bồ Trạch ngày 24/11/1995 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến ông bà sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/8/2019, bà B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại nên bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Hồ C. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 01/8/2019, ông Cây thừa nhận tình cảm vợ chồng hiện nay đã phai nhạt, cuộc sống chung không tồn tại, nhưng ông yêu cầu bà B phải trực tiếp gặp riêng ông thì ông mới nhất trí ly hôn, điều đó chứng tỏ rằng tình cảm của ông với bà B cũng đã không còn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà B, ông Cây đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận xử cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn ông Hồ C là phù hợp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Cây, bà B đều thống nhất khai nhận có 03 con chung tên là Hồ Thị H, sinh ngày 09/12/1996, Hồ Thị L, sinh ngày 11/02/2002 và Hồ Văn Q, sinh ngày 10/8/2003. Tại phiên hòa giải ngày 01/8/2019, ông bà thỏa thuận con Hồ Thị H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao bà B trực tiếp nuôi con Hồ Thị L và Hồ Văn Q, ông Cây không đóng góp tiền nuôi con. Trên cơ sở sự thống nhất này của ông Cây, bà B, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi các con là Hồ Thị L, sinh ngày 11/02/2002 và Hồ Văn Q, sinh ngày 10/8/2003 là phù hợp và cũng đúng với nguyện vọng của các con. Do bà Nguyễn Thị B cam kết đủ khả năng nuôi dưỡng các con và không yêu cầu ông Hồ C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng bà nên không buộc ông Hồ C phải đóng góp tiền nuôi con chung với bà B.

Về tài sản chung: Ông Hồ C và bà Nguyễn Thị B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, xử cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn ông Hồ C.

2. Về quan hệ con chung: Giao bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là Hồ Thị L, sinh ngày 11/02/2002 và Hồ Văn Q, sinh ngày 10/8/2003. Ông Hồ C không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng bà B.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Hồ C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Bà Nguyễn Thị B phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003230 ngày 16 tháng 7 năm 2019. Bà B đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu